## <予選リーグ戦> 100MD(9)

Α	氏名	所属	1	2	3	勝一敗	ゲーム率	順位
11	森下恭子	(ウィニング)	* * * *					
	古田道章	(安曇野 C)	* * * *					
2	渡辺裕子	(すがの台TC)		* * * *				
	山崎浩	(かんこどり)		* * * *				
3	丸山佳麻理	(SPAC)			* * * *			
	渡辺寛文	(TEAM MTO)			* * * *			
В	丘夕		4	5	6	勝一敗	ピー 1 徳	順法
B 2 4	氏名	所属 (オレ・ni v= xi TO)		ິນ	Ü	份一只	ゲーム率	順位
3 4	堤 史子	(アドバンテージTC)						
	若林繁美	(アドバンテージTC)	* * * *					
5	中村三千代	(県陵OB会)		* * * *				
	増田 晋	(TEAM MTO)		* * * *				
6	平林真弓	(team HRRO)			* * * *			
	森本克美	(ALL one's TC)			* * * *			
	пд	## F	7	8	١ ،	0# B <i>F</i>	L 1 <del>1 ///</del>	ᄪᄼᅩ
C	氏名	所属	,	8	9	勝一敗	ゲーム率	順位
27	三井貞代	(アドバンテージTC)	* * * *					
	谷川信二	(SPAC)	* * * *					
8	清水明美	(茅野T愛好会)		* * * *				
	降旗泰幸	(茅野T愛好会)		* * * *				
9	矢澤まゆ美	(かんこどり)			* * * *			
	安藤圭介	(梓の森TC)			* * * *			
			<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>	

## <決勝リーグ戦>

1位	氏名	所属	A 1位	B1位	C1位	勝一敗	ゲーム率	順位
A1位		( )	* * * *					
		( )	* * * *					
B1位		( )		* * * *				
		( )		* * * *				
C1位		( )			* * * *			
		( )			* * * *			
2位	氏名	所属	A 2位	B2位	C2位	勝一敗	ゲーム率	順位
A 2位		( )	* * * *					
		( )	* * * *					
B2位		( )		* * * *				
		( )		* * * *				
C2位		( )			* * * *			
		( )			* * * *			
3位	氏名	所属	A 3位	B3位	C3位	勝一敗	ゲーム率	順位
A 3位	27 11	( )	* * * *		001	122 700	,	70 J
		( )	* * * *					
B3位		( )	•	* * * *				
		( )		* * * *				
C3位	_	( )	_		* * * *			
		( )			* * * *			